TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày : 29/5/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Lượng;

2- Ông Chu Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2017/TLST-DSST ngày 10/7/2017 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 151/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962

Địa chỉ: khu phố 3, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn D; sinh năm 1963– đại diện theo ủy quyền (giấy uỷ quyền ngày 03/7/2017). (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: ông Mai Kiều L – Đại diện theo pháp luật

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

3.2 Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường Hữu Nghị, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3.3 Trần Lâm Bảo T, sinh ngày 21/6/2000

3.4 Trần Lâm Bảo D, sinh ngày 29/8/2004

Địa chỉ: khu phố 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Trần Lâm Bảo T và Trần Lâm Bảo D - bà Nguyễn Thanh T – sinh năm: 1975

Địa chỉ: số 48/10 đường số 8, khu phố 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà xác định:

Ông Trần Lâm T là nhân viên của Công ty Cổ phần S (gọi tắt công ty S). Do đó ngày 22/6/2016 Công ty có ban hành thông báo số 1918/TB-CTS.NS/2016 thông báo quyền mua cổ phiếu Chương trình cổ phiếu nhân viên năm 2016 cho Ông Trần Lâm T. Theo thông báo ông T được phân phối quyền mua cổ phần do công ty phát hành, với tổng số lượng cổ phần được quyền mua là 2.326 cổ phiếu với giá phát hành 37.720 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền ông T phải nộp cho công ty 87.736.720 đồng. Ngày 07/7/2016 ông T đã nộp đủ số tiền mua 2.326 cổ phần cho công ty.

Ngày 21/7/2016 bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Trần Lâm T ký kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu, theo nội dung hợp đồng ông T cam kết chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu trên, với giá 105.000 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị chuyển nhượng là 244.230.000 đồng, bà H đã giao tiền đặt cọc đợt 1 240.000.000 đồng cho ông T, đợt 2 trả hết số tiền còn lại khi hai bên hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và trở thành cổ đông chính thức của Công ty Cổ phần S, tuy nhiên bà H đã thanh toán đầy đủ số tiền còn lại cho ông T và ông T đã ký nhận đủ tiền.

Ngày 15/5/2017 Ông Trần Lâm T chết. Khi ông T chết số cổ phiếu này được phép chuyển nhượng do đó bà H yêu cầu bà Nguyễn Thanh T là vợ của Ông Trần Lâm T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc và thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.326 cổ phiếu cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Bà Nguyễn Thanh T không có lời khai về nội dung vụ kiện trong suốt quá trình tố tụng.

Công ty cổ phần S trình bày: năm 2016 công ty đã phát hành thành công Chương trình cổ phiếu nhân viên (gọi tắt chương trình ESOP) cho 5.952 người lao động. Việc phát hành đã thực hiện và hoàn tất theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán và doanh nghiệp. Các cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm. Đồng thời các hạn chế này sẽ đương nhiên được giải toả nếu người lao động chết. Ông Trần Lâm T là một trong những người lao động thoả điều kiện tham gia Chương trình ESOP. Ông T đã đăng ký mua 2.326 cổ phiếu và đã thanh toán đủ số tiền cho Công ty S tương ứng với 2.326 cổ phiếu. Công ty S đã nhận được giấy chứng tử của ông Trần Lâm T, căn cứ theo quy chế của

Chương trình ESOP các cổ phiếu của ông Trần Lâm T không bị giới hạn chuyển nhượng kể từ ngày 04/7/2017.

Ông Nguyễn Văn D trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông xác định toàn bộ số tiền bà H sử dụng mua cổ phiếu của Ông Trần Lâm T là tài sản riêng của bà H, nên bà H có quyền tự định đoạt, ông không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của Trần Lâm Bảo T và Trần Lâm Bảo D đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, được trình bày tại bài phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, nhận định đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc H tranh chấp với Bà Nguyễn Thanh T về hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu. Bà Nguyễn Thanh T cư trú tại số khu phố 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ông Trần Lâm T: gồm Bà Nguyễn Thanh T sinh năm 1975 (kết hôn với ông T năm 1999) có 02 người con chung là: Trần Lâm Bảo T, sinh ngày 21/6/2000 và Trần Lâm Bảo D, sinh ngày 29/8/2004 ngoài ra không có người con nào khác.

Căn cứ công văn số 10/UBND-TP ngày 06/02/2018 của Uỷ ban nhân dân xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định trả lời xác minh thông tin về cha mẹ ruột của Ông Trần Lâm T như sau: cha Trần Bá N sinh năm 1933 chết năm 2002; mẹ Lâm Thị Th sinh năm 1937, chết năm 1985 cả hai đều không có đăng ký khai tử tại UBND xã Phước Thành. Ông N và bà Th đều đã chết trước khi ông T chết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thanh T tiếp tục chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu cho bà Nguyễn Thị Ngọc H theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu ngày 21/7/2016. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hình thức và nội dung hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu ngày 21/7/2016 phù hợp quy định của Bộ luật dân sự 2015, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

Căn cứ văn bản số 3827/CV-CTS.TC/2017 ngày 18/7/2017 của Công ty Cổ phần S trình bày liên quan đến nội dung tranh chấp có cơ sở xác định, Ông Trần Lâm T là người lao động của công ty S đủ điều kiện để được quyền mua cổ phần của công ty S theo chương trình ESOP. Theo thông báo số 1918/TB-CTS.NS/2016 ngày 22/6/2016 của công ty S, ông T đã mua 2.326 cổ phiếu với số tiền 87.736.720 đồng (giấy nộp tiền ngày 07/7/2016).

Theo quy chế của chương trình ESOP số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm cụ thể: năm thứ nhất: 60% số cổ phiếu đã nộp tiền mua được chuyển nhượng sau 12 tháng kể từ ngày công ty gửi báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ cho Quỹ ban Chứng khoán Nhà nước; năm thứ hai: sau 12 tháng kể từ thời điểm công ty cho phép chuyển nhượng cổ phiếu của năm thứ nhất, nhân viên được chuyển nhượng tiếp 20% số cổ phiếu đã nộp tiền mua; năm thứ ba sau 12 tháng kể từ thời điểm công ty cho phép chuyển nhượng cổ phiếu của năm thứ hai, nhận viên được chuyển nhượng nốt 20% số cổ phiếu đã nộp tiền mua còn lại. Các hạn chế này sẽ đương nhiên được giải toả nếu người lao động chết.

Một tháng sau khi mua cổ phiếu của công ty S, ngày 21/7/2016 Ông Trần Lâm T đã ký kết hợp đồng đặt cọc, cam kết chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc H với giá chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu x 105.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền 244.230.000 đồng, giá chuyển nhượng không thay đổi với bất kỳ lý do gì. Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã giao đủ số tiền chuyển nhượng cổ phiếu 244.230.000 đồng cho Ông Trần Lâm T.

Theo nội dung của hợp đồng tại Điều 3 có nêu về thời hạn đặt cọc " kể từ ngày ký hợp đồng này cho đến khi bên B (ông T) được quyền chuyển nhượng hết số cổ phần trên theo quy định của Công ty Cổ phần S", ngoài ra tại điểm 4.5 Điều 4 quy định "khi được công ty cho phép chuyển nhượng bao nhiêu cổ phần, thì bên B (ông T) lập thủ tục chuyển nhượng ngay số cổ phiếu đó cho bên A (bà H) cho đến khi chuyển nhượng hết số cổ phần nêu trên". Thoả thuận này phù hợp với quy chế của chương trình ESOP.

Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu ngày 21/7/2017 cũng nêu các trường hợp phạt cọc khi không mua, hoặc không bán số cổ phiếu nêu trên; cụ thể nếu bên bà H không mua thì mất cọc, nếu bên ông T không bán hoặc bị công ty thu hồi hoặc không thể chuyển nhượng với bất kỳ lý do gì thì phải bồi thường gấp 03 lần số tiền đã đặt cọc cho bà H.

Bà Nguyễn Thanh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp cho hai con chung Bảo T và Bảo D, bà T không có ý kiến không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng số cổ phiếu này.

Căn cứ theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện hợp đồng song vụ quy định tại Điều 414 Bộ luật dân sự năm 2015: "Trong trường hợp một bên đã thực hiện được một phần nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện phần nghĩa vụ tương ứng đối với mình". Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Ngọc H đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trong việc chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu đối với Ông Trần Lâm T, do đó Bà Nguyễn Thanh T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Ngày 15/5/2017 ông T chết, ngày 30/6/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSD) nhận được văn bản số 3423/CV-CTS.TC/2017 ngày 28/6/2017 của công ty S về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho 05 cổ đông trong đó có Ông Trần Lâm T. CNVSD thông

báo đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiển sang chuyển nhượng tự do, ngày hiệu lực điều chỉnh 04/7/2017.

Như vậy 2.326 cổ phiếu mà Ông Trần Lâm T đã mua của công ty S đã đủ điều kiện chuyển nhượng tự do, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thanh T tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu ngày 21/7/2016 về việc chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

[4] Quá trình thụ lý vụ án, Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 72/2017/QĐ-BPBĐ ngày 12/7/2017 và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2017/QĐ-BPKCTT ngày 17/7/2017 về việc cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp là 2.326 cổ phiếu của Công ty Cổ phần S phát hành. Hội đồng xét xử nhận định cần tiếp tục duy trình quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2017/QĐ-BPKCTT ngày 17/7/2017 để thi hành bản án này, tuy nhiên không cần thiết phải duy trì việc gửi tài sản đảm bảo, do đó số tiền 100.000.000 đồng đang phong toả tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam – Chi nhánh Thủ Đức được giải toả.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 12.211.500 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 6.105.750 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 274; Điều 275; Điều 278; Điều 328; Điều 613; Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thanh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Lâm T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của Trần Lâm Bảo T và Trần Lâm Bảo D, tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ông Trần Lâm T ngày 21/7/2016 về việc chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu của Công ty Cổ phần S trong thời hạn 30 ngày.

- Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án mà Bà Nguyễn Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định trong việc chuyển nhượng 2.326 cổ phiếu cho bà Nguyễn Thị Ngọc H, thì bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sở hữu đối với số cổ phiếu này.

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2017/QĐ-BPKCTT ngày 17/7/2017 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành bản án này.

Huỷ bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 72/2017/QĐ-BPBĐ ngày 12/7/2017 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền 100.000.000 đồng để thực hiện biện pháp bảo đảm đang phong toả tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam – Chi nhánh Thủ Đức được giải toả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 12.211.500 đồng (mười hai triệu hai trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí 6.105.750 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 15775 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Thảo

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ;
- Lưu HS.